

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY  
XÂY LẮP DẦU KHÍ NGHỆ AN**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Ha Noi Branch**

Room 705, 17T3 Building, Hoang Dao Thuy Road,  
Cau Giay Dist, Ha Noi City

Tel: ( 84 - 24) 6285 9222

Fax: (84 - 24) 6285 9111

Email: [hanoi@vietlandaudit.com.vn](mailto:hanoi@vietlandaudit.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY  
XÂY LẬP DẦU KHÍ NGHỆ AN**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31

003  
T  
C  
L  
V  
/N  
128  
CH  
C  
CH  
W T  
Đ  
T  
U  
/C

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty điều hành trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phan Hải Triều	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Bằng	Thành viên
Ông Đông Xuân Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Cường	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Bằng	Tổng Giám đốc
Ông Đông Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Cường	Phó Tổng Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Nguyễn Ngọc Bằng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 15 tháng 05 năm 2019

Số: 0205/2019/BCTC-KTV/HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15/05/2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Chúng tôi không nhận được bất kỳ tài liệu, hồ sơ, sổ sách liên quan đến số dư đầu năm của công ty từ năm 2017 trở về trước làm cơ sở đưa ra ý kiến của chúng tôi về số dư đầu năm 2018. Do đó chúng tôi không xác định được liệu có phải điều chỉnh đối với số dư đầu năm 2018 (nếu có) và các ảnh hưởng của số dư đầu năm đến số liệu trong năm 2018 của Công ty hay không.

Do được bổ nhiệm kiểm toán sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2018 nên chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm tại ngày 31/12/2018 và tại ngày 31/12/2017. Chúng tôi cũng không được tham gia chứng kiến kiểm kê tại thời điểm kiểm toán và cũng không thể thực hiện các thủ tục thay thế. Vì vậy chúng tôi không thể đánh giá được tính hiện hữu và chính xác của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2018 với giá trị lần lượt là 485,95 triệu VND; 85,58 tỷ VND; 11,13 tỷ VND và tại thời điểm 31/12/2017 với giá trị lần lượt là 391,67 triệu VND, 84,37 tỷ VND; 10,13 tỷ VND cũng như trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của công ty tại ngày 31/12/2018 và tại ngày 31/12/2017.

Chúng tôi đã thực hiện gửi thư xác nhận công nợ phải thu, phải trả đến các đối tượng có liên quan. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, Chúng tôi chưa nhận được xác nhận số dư tại ngày 31/12/2018 của các khoản công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, Phải thu về cho vay ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Phải thu dài hạn của khách hàng, Phải thu dài hạn khác; Phải trả người bán ngắn hạn, Người mua trả tiền trước ngắn hạn, Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, Phải trả ngắn hạn khác và Phải trả dài hạn khác với số tiền lần lượt khoảng 96,56 tỷ VND; 39,3 tỷ VND; 10,62 tỷ VND; 29,54 tỷ VND; 210,40 tỷ VND; 124,25 tỷ VND; 2,46 tỷ VND; 123,99 tỷ VND; 131,48 tỷ VND; 10,8 tỷ VND; 44,12 tỷ VND; 81,49 tỷ VND và 173,63 tỷ VND; và các xác nhận số dư tại ngày 31/12/2017 của các khoản công nợ nêu trên với số tiền lần lượt khoảng 84,62 tỷ VND; 39,28 tỷ VND; 10,62 tỷ VND; 36,3 tỷ VND; 225,24 tỷ VND; 136,08 tỷ VND; 4,70 tỷ VND; 136,87 tỷ VND; 131,48 tỷ VND; 10,8 tỷ VND; 61,05 tỷ VND; 105,1 tỷ VND và 154,92 tỷ VND. Đồng thời, Công ty cũng chưa tính toán và trích lập đầy đủ dự phòng phải thu khó đòi cho số dư công nợ Phải thu ngắn hạn của khách hàng, Trả trước cho người bán ngắn hạn, Phải thu về cho vay ngắn hạn, Phải thu ngắn hạn khác, Phải thu dài hạn của khách hàng. Theo sổ sách của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cho các số dư công nợ nêu trên trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 và tại ngày 31/12/2017. Chúng tôi cũng không thể ước tính chính xác lãi các khoản đi vay và cho vay trong năm.

Chúng tôi không nhận được xác nhận góp vốn của khoản đầu tư của Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị mới Sông Lam, Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh và Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò tại thời điểm ngày 31/12/2018 với giá trị là 0 VND; 681,93 triệu VND; 1,28 tỷ VND và tại thời điểm ngày 31/12/2017 với giá trị lần lượt là 54,45 tỷ VND; 681,93 triệu VND; 1,28 tỷ VND. Đồng thời chúng tôi cũng chưa nhận được báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017 của khoản đầu tư của Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị mới Sông Lam, Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh và Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò và năm 2018 của khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Hà Tĩnh và Công ty CP Đầu tư Đô thị Dầu khí Cửa Lò. Vì vậy, chúng tôi không thể xác định liệu có phải điều chỉnh tổn thất của khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị trên (nếu có) hay không.

Khoản đầu tư theo các hợp đồng góp vốn đầu tư của Công ty với Công ty CP Mía đường Sông Lam được trình bày trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 01/01/2018 và 31/12/2018 với giá trị lần lượt là 4,7 tỷ VND và 2,46 tỷ VND. Chúng tôi không thu thập được các hồ sơ tài liệu liên quan đến các khoản đầu tư trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định xem liệu có các điều chỉnh cần thiết nào (nếu có) cho khoản đầu tư này hay không.

Trong năm 2018, Công ty chưa trích khấu hao tài sản cố định hữu hình với số tiền là 2.306.234.185 đồng, nếu Công ty thực hiện hạch toán trích khấu hao Tài sản cố định hữu hình thì khoản mục “Giá trị hao mòn lũy kế” (mã số 223 trên Bảng cân đối kế toán) sẽ tăng số tiền 2.306.234.185 VND. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” sẽ tăng là 2.306.234.185 VND và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ giảm đi tương ứng là 2.306.234.185 VND.

Công ty chưa hạch toán ghi nhận giá vốn đối với khoản doanh thu bán hàng hóa bất động sản đầu tư căn hộ tại Tòa nhà Dầu khí (số 7 Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An) với giá bán là 1.190.459.978 đồng. Theo sổ sách của Công ty, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục thay thế. Theo đó, chúng tôi không thể xác định giá trị chính xác và đưa ra các điều chỉnh phù hợp cho khoản mục hàng hóa bất động sản đầu tư trên trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 và chỉ tiêu giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 tương ứng với doanh thu đã ghi nhận ở trên trong năm 2018.

Trong năm 2018, Công ty đang ghi nhận khoản thu nhập từ khoản lãi phải trả Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn được miễn với giá trị là 9.284.629.023 VND. Chúng tôi không nhận được hồ sơ liên quan đến việc ghi nhận số liệu này, chúng tôi không thực hiện được các thủ tục thay thế nên chúng tôi không xác định được liệu có phải điều chỉnh các số liệu khác liên quan khoản thu nhập này hay không.

### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại thuyết minh II.1, tại ngày 31/12/2018, Công ty phát sinh khoản lỗ lũy kế là 280.046.621.343 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 32.751.986.374 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 675.669.885 đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm là 25.057.743.361 VND. Bên cạnh đó, Công ty chưa chấp hành tốt luật quản lý thuế, dẫn tới các khoản thuế chậm nộp, nên từ năm 2015 Công ty bị Cục thuế tỉnh Nghệ An cưỡng chế hóa đơn không còn sử dụng, trong thời gian này Công ty do thiếu vốn dẫn đến hoạt động cầm chừng, thực hiện nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước số tiền tương ứng của hóa đơn cần xuất trước mỗi lần phát hành hóa đơn. Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty được trình bày theo giả định hoạt động liên tục.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế, Báo cáo kiểm toán độc lập số 031902/2017/ BCKT-IFC ngày 19/03/2018 đã đưa ra ý kiến Từ chối.

Hà Nội, ngày 15 tháng 05 năm 2019

**Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn  
Đất Việt tại Hà Nội**



---

**HOANG DINH HAI - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2282-2018-037-1

---

**LÊ THẾ THANH - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2372-2018-037-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>441.183.737.486</b>	<b>449.868.656.389</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>839.450.237</b>	<b>1.130.001.633</b>
1. Tiền	111		839.450.237	1.130.001.633
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>353.273.800.576</b>	<b>362.936.427.540</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	96.563.100.910	84.624.851.296
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	39.295.747.952	39.284.248.351
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		10.618.384.771	10.618.384.771
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	29.539.082.198	36.304.657.141
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	210.397.193.102	225.243.994.338
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(33.139.708.357)	(33.139.708.357)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>85.575.746.376</b>	<b>84.372.855.682</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	85.575.746.376	84.372.855.682
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.494.740.297</b>	<b>1.429.371.534</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		62.937.716	62.937.716
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.431.802.581	1.366.433.818
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>141.555.711.580</b>	<b>185.515.079.692</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>126.707.468.134</b>	<b>140.782.365.974</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	124.246.518.000	136.079.514.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.460.950.134	4.702.851.974
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.133.306.901</b>	<b>10.133.306.901</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	11.133.306.901	10.133.306.901
- Nguyên giá	222		30.067.489.641	29.455.238.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.934.182.740)	(19.321.931.877)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		1.496.038.220	1.496.038.220
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.496.038.220)	(1.496.038.220)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.090.113.570</b>	<b>1.090.113.570</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.090.113.570	1.090.113.570
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11</b>	<b>1.956.822.975</b>	<b>32.841.293.247</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	55.131.927.274
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.956.822.975	1.274.895.701
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(23.565.529.728)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>668.000.000</b>	<b>668.000.000</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		668.000.000	668.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>582.739.449.066</b>	<b>635.383.736.081</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MÃ SỐ B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>615.491.435.440</b>	<b>669.461.279.726</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>441.859.407.371</b>	<b>514.545.974.373</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	123.993.748.391	136.867.425.174
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	131.482.122.567	131.482.122.567
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	13.692.080.904	16.008.677.119
4. Phải trả người lao động	314		6.570.683.431	6.729.160.845
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	9.558.702.273	26.243.617.931
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		10.801.668.182	10.801.668.182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	81.487.083.964	105.096.785.067
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	44.123.767.068	61.049.266.897
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		20.149.550.591	20.267.250.591
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>173.632.028.069</b>	<b>154.915.305.353</b>
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	173.632.028.069	154.915.305.353
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(32.751.986.374)</b>	<b>(34.077.543.645)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>(32.751.986.374)</b>	<b>(34.077.543.645)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		218.460.000.000	218.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		218.460.000.000	218.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.000.000.000	5.000.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		380.952.382	380.952.382
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.453.682.587	23.453.682.587
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(280.046.621.343)	(281.372.178.614)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(281.372.178.614)	(285.787.042.336)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.325.557.271	4.414.863.722
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>582.739.449.066</b>	<b>635.383.736.081</b>



Nguyễn Ngọc Bằng

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 05 năm 2019

Nguyễn Văn Phúc

Kế toán trưởng

Lê Thị Thúy Hà

Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>1.856.247.281</b>	<b>1.432.310.248</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>1.856.247.281</b>	<b>1.432.310.248</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>1.856.247.281</b>	<b>1.432.310.248</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	53.171.969	6.854.261.921
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	1.071.011.232	645.188.531
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.235.315.960	645.188.531
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.4	2.641.409.826	3.269.077.916
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(1.803.001.808)</b>	<b>4.372.305.722</b>
11. Thu nhập khác	31		13.151.795.360	42.558.000
12. Chi phí khác	32		10.023.236.281	-
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>VI.5</b>	<b>3.128.559.079</b>	<b>42.558.000</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.325.557.271</b>	<b>4.414.863.722</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.325.557.271</b>	<b>4.414.863.722</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	61	202



Nguyễn Ngọc Bằng  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 05 năm 2019

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thúy Hà  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MÃ SỐ B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.325.557.271</b>	<b>4.414.863.722</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		-	474.347.683
- Các khoản dự phòng	03		(23.565.529.728)	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		22.348.053.031	(6.854.261.921)
- Chi phí lãi vay	06		2.235.315.960	645.188.531
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.343.396.534</b>	<b>(1.319.861.985)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.947.620.886	17.607.794.247
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.202.890.694)	(727.193.773)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(34.510.267.492)	359.644.168
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9.635.602.595)	(4.533.608.864)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(25.057.743.361)</b>	<b>11.386.773.793</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.365.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(7.662.802.804)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		31.057.538.212	13.809.950.830
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.368.969	202.551
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>32.425.907.181</b>	<b>6.147.350.577</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		238.612.000	6.416.601.697
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.897.327.216)	(23.465.207.485)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.658.715.216)</b>	<b>(17.048.605.788)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(290.551.396)</b>	<b>485.518.582</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>1.130.001.633</b>	<b>644.483.051</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>839.450.237</b>	<b>1.130.001.633</b>



Nguyễn Ngọc Bằng  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 05 năm 2019

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Lê Thị Thúy Hà  
Người lập biểu

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 284/QĐ-UB-ĐMDN ngày 19 tháng 01 năm 2005 của UBND tỉnh Nghệ An. Tiền thân của Công ty là Công ty Xây dựng số 1 Nghệ An thuộc Sở Xây dựng Nghệ An. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 3 năm 1997, đăng ký cổ phần hóa ngày 22 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 05 năm 2006 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp với tổng số vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng, và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An.

Ngày 4 tháng 5 năm 2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 2397/QĐ-DKVN của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Theo đó, Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư số 1 Nghệ An đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An. Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000523 ngày 12 tháng 03 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 20 tháng 10 năm 2008 với tổng số vốn điều lệ là 45.000.000.000 đồng.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 10 tháng 4 năm 2009, Công ty đã thống nhất Phương án tăng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 100 tỷ đồng. Trong năm 2009, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn này.

Ngày 08 tháng 10 năm 2010, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây dựng Dầu khí Nghệ An.

Theo nghị quyết số 41/NQ-PVNC ngày 29 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ lên 600 tỷ. Trong năm 2011 công ty đã hoàn thành việc tăng vốn từ 100 tỷ lên 218,46 tỷ đồng.

Hiện tại Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần sửa đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 02 năm 2012 với số vốn điều lệ là 218.460.000.000 đồng.

**Hoạt động chính của Công ty là:**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê  
Chi tiết: Đầu tư xây dựng, kinh doanh khu công nghiệp, khu đô thị, hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, điện năng (đường dây và trạm biến áp)
- Xây dựng nhà các loại
- Khai thác quặng sắt
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  
Chi tiết: Định giá, quảng cáo bất động sản; Quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán mô tô, xe máy
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác  
Chi tiết: Bán buôn má móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác  
Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp đến 500KV
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác  
Chi tiết: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Chế biến đá, sắt, sỏi, quặng các loại
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan  
Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan
- Điều hành tua du lịch  
Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính  
Chi tiết: Dịch vụ công nghệ thông tin
- Khai thác gỗ
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan  
Chi tiết: Tư vấn giám sát thi công các công trình dân dụng và công nghiệp
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Cho thuê văn phòng làm việc
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Mua bán phân bón nông nghiệp
- Xử lý hạt giống để nhân giống
- Hoạt động tư vấn quản lý  
Chi tiết: Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án, đấu thầu các công trình xây dựng
- Giáo dục nghề nghiệp  
Chi tiết: Đào tạo nghề ngắn hạn
- Khai thác khoáng sản chưa được phân vào đâu
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng  
Chi tiết: Tư vấn thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

## **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **1. Giả thiết về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của công ty trong qua trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 31/12/2018, Công ty phát sinh khoản lỗ lũy kế là 280.046.621.343 đồng, vượt quá vốn chủ sở hữu 32.751.986.374 đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 675.669.885 đồng và lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh bị âm 25.057.743.361 VND. Bên cạnh đó, Công ty chưa chấp hành tốt luật quản lý thuế, dẫn tới các khoản thuế chậm nộp, nên từ năm 2015 Công ty bị Cục thuế tỉnh Nghệ An cưỡng chế hóa đơn không còn sử dụng, trong thời gian này Công ty do thiếu vốn dẫn đến hoạt động cầm chừng, thực hiện nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước số tiền tương ứng của hóa đơn cần xuất trước mỗi lần phát hành hóa đơn. Các vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang tập trung xây dựng các phương án kinh doanh để Công ty tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong năm 2019. Do đó, Ban giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập Báo cáo tài chính trên giả định hoạt động liên tục.

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### **3. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**2. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính, trong đó:

***Nợ phải thu quá hạn thanh toán:*****Mức trích lập dự phòng**

Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

***Nợ phải thu khác:***

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên giá**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

**Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc, thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản cố định khác	03 - 07

**5. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư vào Công ty con**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Đầu tư vào các công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.